

Bản án số: 475/2023/DS-ST
Ngày 28/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà L.T.H

Bà L.T.K.H

- Thư ký phiên tòa: Bà T.T.T.Đ- Thư ký Tòa án nhân dân quận X

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận X tham gia phiên tòa: Bà L.T.T.P - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 433/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N.T.T- sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 118/83 D2 đường M, phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà M.H.D, sinh năm 1987 hoặc bà Đ.T.N.A, sinh năm 2000 **là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền ngày 18/7/2023** (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ.O6

Địa chỉ: Số 13-15 đường N.V.N, Phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông L.H.T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 67 XLHN, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo Giấy ủy quyền ngày 01/02/2021 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà T là cổ đông đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị kiêm phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Đ(gọi tắt là Công ty), Công ty có vay của bà T để chi

trả các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua hình thức chuyển tiền ngân hàng, cụ thể như sau:

Ngày 11/01/2017 bà T có cho Công ty vay thông qua chuyển tiền ngân hàng, Công ty vay không lãi suất với số tiền 900.400.000 đồng, chuyển vào tài khoản số 000000007217 của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Gia Định nhằm mục đích bảo lãnh thực hiện hợp đồng Chung cư An Hội 3 bằng tiền mặt và hiện nay đã được Ngân hàng giải tỏa bảo lãnh vào ngày 09/8/2017.

Ngày 19/01/2019 bà T tiếp tục cho Công ty vay thông qua chuyển tiền ngân hàng với số tiền 290.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty số tài khoản là 0911000005879 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Ba Đình (Vietcombank) với nội dung: chuyển cho vay trả lương nhân công công trình An Hội 3 giai đoạn 2. Hiện nay các chủ đầu tư đã hoàn trả số tiền này cho Công ty nhưng Công ty vẫn chưa T toán lại cho bà.

Bà T là thành viên cũng như là cổ đông Công ty khi Công ty gặp khó khăn bà sẵn sàng cho Công ty vay không lãi suất để chi trả các hoạt động kinh doanh, bà đã nhiều lần yêu cầu Công ty T toán khoản tiền trên cho bà, nhưng Công ty thoái thác không hoàn trả số tiền bà đã cho vay. Ngoài ra trong cuộc họp Hội đồng quản trị bà cũng đưa ra vấn đề này nhưng giám đốc và kế toán trưởng của Công ty lấy lý do phải kiểm tra lại hồ sơ để liên tục trì hoãn nghĩa vụ trả khoản tiền vay cho bà.

Số tiền nêu trên là của cá nhân bà T cho Công ty vay không liên quan gì đến chồng bà T là ông T.N.H, sinh năm 1953, vì vậy bà T đề nghị không đưa chồng bà là ông T.N.H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn bà T tại cuộc họp Hội đồng quản trị cũng đã thông báo và đưa ra vấn đề về khoản vay này đề nghị Công ty xem xét và sớm giải quyết T toán khoản vay nêu trên cho bà, đồng thời bà T còn gửi thư yêu cầu Công ty cổ phần Đ.O6 trả nợ vào ngày 18/8/2020 nhưng Công ty không hồi đáp cũng như không trả nợ vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Đ.O6 trả nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/9/2023 là 1.560.565.479 đồng, trong đó nợ gốc là 1.190.400.000 đồng, lãi chậm trả là 370.165.479 đồng.

Kể từ ngày 29/9/2023, Công ty cổ phần Đ còn phải tiếp tục trả lãi chậm trả cho bà T theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 cho đến khi T toán dứt nợ gốc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bị đơn đến làm việc tại Tòa án nhân dân quận X nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện VKSND quận X tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về số tiền chuyển khoản:

Căn cứ vào văn bản số 905/DVKH-CN1, ngày 04/8/2023 của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện vào ngày 09/01/2019 số tài khoản 102004323914 của bà N.T.T có chuyển tiền vào số tài khoản Công ty cổ phần Đ số tài khoản 0911000005879 với số tiền 290.000.000 đồng với nội dung chuyển cho vay trả lương nhân công công trình An Hội 3 giai đoạn 2.

Ngày 14/9/2023 Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Gia Định có cung cấp cho Tòa sổ phụ tài khoản thể hiện vào ngày 11/01/2017 bà T có chuyển số tiền 900.400.000 đồng, chuyển vào tài khoản số 000000007217 của Công ty cổ phần Đại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Gia Định nhằm mục đích bảo lãnh thực hiện hợp đồng Chung cư An Hội 3

Từ chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T có chuyển khoản 02 lần vào các ngày 04/8/2023 và ngày 11/01/2017 với tổng số tiền 1.190.400.000 đồng cho Công ty cổ phần Đ vay mượn không tính lãi là có thật.

Nguyên đơn đã thông báo tại cuộc họp hội đồng quản trị và có biên bản họp hội đồng quản trị ngày 06/3/2020 đồng thời đã gửi thông báo đến bị đơn vào ngày 18/8/2020 đề yêu cầu bị đơn T toán nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc như đã cam kết. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*” và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý*”. Nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/3/2020 đến 18/8/2020 là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn T toán số tiền nợ gốc 1.190.400.000 đồng là phù hợp;

Ngoài ra, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ nội dung chuyển tiền số tiền hiện còn nợ và số tiền bị đơn đã T toán, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Công ty cổ phần Đ.O6 đến Tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng Công ty cổ phần Đ.O6 vẫn vắng mặt xem như đã tự tước bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước Tòa nên phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ. Do đó, việc bà T tự nguyện khai báo số tiền nêu trên là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[3.2] Về tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc 1.190.400.000 đồng với lãi suất là 10%/năm (tương ứng với 0.83%/tháng) và thời gian tạm tính từ ngày 20/8/2020 cho đến ngày 28/9/2023 là 370.165.479 đồng. Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất là 10%/năm đối với thời gian chậm trả nợ gốc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có cơ sở để chấp nhận.

Từ các phân tích đánh giá chứng cứ được đối chiếu với quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải T toán tổng số tiền là 1.560.565.479 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.190.400.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 370.165.479 đồng. Bị đơn phải T toán toàn bộ số tiền nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/9/2023 Công ty cổ phần Đ.O6 còn phải tiếp tục trả tiền nợ lãi chậm T toán cho bà T theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.683.200 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0027066 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn phải chịu án phí là: 58.816.964 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án ;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc Công ty cổ phần ĐT Toán cho bà T số tiền nợ gốc là 1.190.400.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 28/9/2023 là 370.165.479 đồng. Tổng cộng là 1.560.565.479 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Thời hạn T toán: T toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 29/9/2023, Công ty cổ phần Đ phải tiếp tục trả cho bà T tiền lãi chậm trả phát sinh trên số nợ gốc còn nợ cho đến khi Công ty cổ phần Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà T theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là: 58.816.964 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 26.683.200 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0027066 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.X;
- THA DS Q.X;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Trang